

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:102/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2023
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Bà Nguyễn Thị Nhân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:210/2023/QĐST- HNGĐ ngày 11/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 169 /2023/QĐ-HPT ngày 22/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh ngày 01/6/1991.

Trú tại: xóm F, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh ngày 22/4/1989.

Trú tại: xóm F, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai của nguyên đơn thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân:Chị PhạmThị H1 và anh Nguyễn Văn S làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ Anđược cấp giấy chứng nhận kết hôn số:26/2011ngày 18/02/2011.Trước khi kết hôn anh chị có quá trình tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, cưới hỏi theo phong tục tập quán.Theo chị H1 sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn.Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng

nói chung trong cuộc chung, nên có nhiều xung đột cự cãi đối với nhau. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng sâu sắc, vợ chồng mất tình cảm, tình yêu đối với nhau. Do mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, hôn nhân khó có thể duy trì nên chị H1 không yêu cầu gia đình, các tổ chức, đoàn thể, tổ chức hòa giải cho vợ chồng mà để mặc hậu quả xảy ra. Không sống được với nhau chị H1 đã sống ly thân cắt đứt các mối quan hệ vợ chồng đối với anh S từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Quá trình viết bản tự khai chị H1 xác định đã mất hết tình cảm đối với anh S nữa, hôn nhân đã thực sự tan rã, đổ vỡ không thể hàn gắn, chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn S để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Nguyễn Văn Long N (Giới tính: Nam), sinh ngày 30/5/2012, cháu Nguyễn Văn K (Giới tính: N1), sinh ngày 19/4/2014. Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung đang được anh S và bên nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, đi lại thăm nom chăm sóc con thường xuyên. Nếu ly hôn chị H1 đề nghị giao cháu lớn cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu bé cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn S Tòa án đa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn S cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn S không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn vắng

mặt có lý do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn tiếp tục đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điểm a, b Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn S được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị H, anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND 26/2011 ngày 18/02/2011, nên xác định hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Công S1 là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị H, anh S1 tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung, vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói, lối đi chung trong hôn nhân. Do đó các bên đã có những lời nói, xử sự không đúng mực với nhau. Hôn nhân của chị H, anh S1 đã đổ vỡ kể từ ngày vợ chồng sống ly thân. Quá trình sống ly thân các bên không có ý thức hòa giải, níu kéo hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị H, anh S1 đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm, mục đích hôn nhân không còn. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh S1 là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân tuy hai con chung sinh sống trực tiếp với anh S và bên nội. Nhưng chị H rất có trách nhiệm đối với con chung, thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đầy đủ và đi lại thăm nom con chung thường xuyên. Từ đó cho thấy chị H là người rất có trách nhiệm đối với con chung về mọi mặt. Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh hiện nay của chị H và anh S thấy rằng. Nếu giao hai con cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì anh S rất khó khăn về kinh tế, con chung không được phát triển về mọi mặt, ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung. Do đó cần giao cho chị H nuôi cháu Nguyễn Văn Long N (Giới tính: Nam), sinh ngày 30/5/2012, giao cháu Nguyễn Văn K (Giới tính: N1), sinh ngày 19/4/2014 cho anh S nuôi là phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Phạm Thị H.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi người nuôi mỗi cháu nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Do cháu Nguyễn Văn Long N (Giới tính: N1), sinh ngày 30/5/2012 hiện nay đang sinh sống trực tiếp với anh Nguyễn Văn S, nên anh S phải có nghĩa vụ giao

cháu N cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về quan hệ tài sản: Chị Phạm Thị H không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Phạm Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Văn Long N (Giới tính: Nam), sinh ngày 30/5/2012 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Giao con chung cháu Nguyễn Văn K (Giới tính: N1), sinh ngày 19/4/2014 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Các bên có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Nguyễn Công S1 phải có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Văn Long N (Giới tính: N1), sinh ngày 30/5/2012 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Phạm Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí chị H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: AA/2022/0000999 ngày 12/7/2023, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã Đ(Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc